

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

QUY ĐỊNH CHI TIẾT

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

HÀ NỘI - 2023

QUY ĐỊNH CHI TIẾT**TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 139/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 27/06/2023 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu (sau đây gọi tắt là Viện KTTVBĐKH) được thực hiện theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ; Quyết định số 887/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi tên và mã số các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT.

2. Quy định này áp dụng cho cơ sở đào tạo Viện KTTVBĐKH và các tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo, ngành đào tạo, chương trình đào tạo

1. Mục tiêu đào tạo: Đào tạo tiến sĩ các ngành Khí tượng và khí hậu học, Thủy văn học, Quản lý tài nguyên và môi trường, Biến đổi khí hậu có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của chuyên ngành đào tạo; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, sáng tạo; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, có khả năng tập hợp và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

2. Ngành đào tạo: Viện KTTVBĐKH đào tạo trình độ tiến sĩ với các ngành tương ứng với các bộ môn như sau:

TT	Ngành	Mã số	Nhóm ngành
1	Biến đổi khí hậu	Mã số: 9440221	Khoa học trái đất

TT	Ngành	Mã số	Nhóm ngành
2	Khí tượng và khí hậu học	Mã số: 9440222	
3	Thủy văn học	Mã số: 9440224	
4	Quản lý tài nguyên và môi trường	Mã số: 9850101	Quản lý tài nguyên và môi trường

3. Chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ do Viện KTTVBĐKH xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ với người có trình độ thạc sĩ;

b) Chuẩn đầu ra theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2021 và tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

c) Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: Các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

Sau khi trúng tuyển, nghiên cứu sinh bắt buộc phải học một số môn học bắt buộc theo quy định của Viện KTTVBĐKH.

d) Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

Căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, Viện trưởng Viện KTTVBĐKH quyết định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung. Mỗi học phần bổ sung tương đương 2 tín chỉ.

đ) Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

+ Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, xác định các vấn đề tồn tại cần nghiên cứu, từ đó đặt ra mục tiêu, hướng và nội dung nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ. Khuyến khích nghiên cứu sinh có sinh hoạt khoa học trước khi tổ chức Tiểu ban chấm Tiểu luận tổng quan.

+ Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Khuyến khích nghiên cứu sinh có sinh hoạt khoa học trước khi tổ chức hội đồng chấm chuyên đề tiến sĩ.

+ Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 06 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng 15 tín chỉ. Trong đó, tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ) và 02 chuyên đề tiến sĩ (3 tín chỉ/chuyên đề) do Viện trưởng Viện KTTVBĐKH quyết định là những học phần trình độ tiến sĩ bắt buộc. Đối với học phần trình độ tiến sĩ tự chọn, mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 03 học phần với khối lượng 06 tín chỉ.

e) Luận án tiến sĩ (75 tín chỉ) là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận khoa học và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án và phù hợp với chuyên ngành đăng ký;

g) Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giáo viên, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học trung thực và độc lập, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện KTTVBĐKH (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh) cho các đối tượng đã có bằng Thạc sĩ là 03 năm tập trung liên tục. Trong trường hợp nghiên cứu sinh không thể theo học tập trung liên tục và được Viện KTTVBĐKH đồng ý thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh có tổng thời gian là 04 năm. Mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (theo mẫu tại Phụ lục II.1)

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Viện KTTVBĐKH, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án của Viện KTTVBĐKH.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời học tập, nghiên cứu tại Viện KTTVBĐKH theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).

Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó, tại thời điểm ban hành Quyết định Công nhận nghiên cứu sinh, có 01 người là cán bộ cơ hữu của Viện KTTVBĐKH hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Viện KTTVBĐKH theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Viện KTTVBĐKH với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của Viện KTTVBĐKH và theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của nghiên cứu sinh; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề xuất đề nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của Viện KTTVBĐKH;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục I.2.2 của Quy định này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Viện KTTVBĐKH quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Người dự tuyển phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng Thạc sĩ đúng chuyên ngành dự tuyển hoặc có chuyên ngành phù hợp bao gồm các chuyên ngành thuộc các ngành quy định tại Phụ lục VI.3;

b) Là tác giả bài báo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày hết hạn đăng ký dự tuyển. Số lượng cụ thể như sau:

- Có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành: Là tác giả ít nhất 01 bài báo.

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành phù hợp: Là tác giả ít nhất 02 bài báo.

5. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Viện KTTVBĐKH (đóng học phí, hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

Điều 8. Tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển trực tiếp hoặc trực tuyến.

2. Số lần tuyển sinh trong năm: 01 lần hoặc nhiều lần.

3. Tổ chức tuyển sinh:

a) Thành lập Hội đồng tuyển sinh: Viện trưởng Viện KTTVBĐKH ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần Hội đồng tuyển sinh, trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh được quy định tại Phụ lục I.1.2;

b) Thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh, trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh, Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký được quy định tại Phụ lục I.1.2;

c) Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện KTTVBĐKH ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức xét tuyển nghiên cứu sinh, trong đó bao gồm những thông tin về đối tượng và điều kiện dự tuyển; ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp; chỉ tiêu tuyển sinh; hồ sơ dự tuyển, kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học; học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có) và những thông tin cần thiết khác của Viện KTTVBĐKH;

d) Thành lập Tiểu ban chuyên môn: Thành phần, trách nhiệm của Tiểu ban chuyên môn được quy định tại Phụ lục I.1.2.

đ) Xét tuyển nghiên cứu sinh:

Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong thư giới thiệu (Phiếu chấm điểm được chi tiết trong Phụ lục I.5.1).

Trưởng tiểu ban phân công các thành viên tiểu ban (2 thành viên/thí sinh) đọc và có nhận xét bằng văn bản về các bài báo, đề cương nghiên cứu của thí sinh.

Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn. Thành viên tiểu ban chuyên môn đánh giá đề cương thông qua khả năng trình bày của thí sinh, nội dung nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu, những đóng góp mới dự kiến của luận án, bố cục dự kiến của luận án, kế hoạch thực hiện luận án... (Biên bản họp xét tuyển được chi tiết trong Phụ lục I.5.2).

Trưởng tiểu ban chuyên môn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh (Tổng hợp tình hình xét tuyển và Nhận xét, phân loại thí sinh được chi tiết trong Phụ lục I.6.1; I.6.2).

Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại kết quả đánh giá của tiểu ban chuyên môn so với hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh.

Hội đồng tuyển sinh xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Viện trưởng Viện KTTVBĐKH quyết định cho từng ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh, trình Viện trưởng Viện KTTVBĐKH phê duyệt.

4. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh phải có đầy đủ thông tin bao gồm: tên nghiên cứu sinh, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

5. Trong quá trình tổ chức tuyển sinh, công nhận nghiên cứu sinh, Viện KTTVBĐKH thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, giám sát nội bộ và xử lý vi phạm đối với tập thể, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động tổ chức tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh theo quy định hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 9. Tổ chức hoạt động đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này ở trụ sở Viện KTTVBĐKH, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài cơ sở đào tạo.

2. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh, văn bằng nghiên cứu sinh đã có, các học phần nghiên cứu sinh đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ, Trưởng đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn nghiên cứu sinh đề xuất các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh. Viện trưởng Viện KTTVBĐKH ra Quyết định công nhận các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ của các nghiên cứu sinh sau khi được Hội đồng Khoa học Công nghệ và Đào tạo của Viện KTTVBĐKH thông qua.

3. Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế xây dựng kế hoạch học tập hàng năm của nghiên cứu sinh, trình Viện trưởng phê duyệt và thông báo cho các nghiên cứu sinh thực hiện.

4. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại Viện KTTVBĐKH. Trong trường hợp Viện KTTVBĐKH không đào tạo các học phần cần bổ sung cho nghiên cứu sinh thì Viện KTTVBĐKH có thể thỏa thuận để tổ chức giảng dạy những học phần học chung với cơ sở đào tạo khác và công nhận kết quả học tập lẫn nhau. Các học phần

ở trình độ tiến sĩ phải do Viện KTTVBĐKH tổ chức thực hiện. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp, đảm bảo quy định hiện hành về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

5. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần của nghiên cứu sinh phải đảm bảo khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo trình độ đại học

6. Nghiên cứu sinh có điểm học phần dưới 5 (năm) điểm sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh.

7. Nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động sinh hoạt khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này.

Do tính chất của lĩnh vực nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, công nghệ, Viện KTTVBĐKH yêu cầu nghiên cứu sinh trong thời gian thực hiện luận án, ít nhất phải chủ trì hoàn thành 01 đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp cơ sở; hoặc tham gia thực hiện 01 đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ, ngành hoặc tương đương trở lên thuộc lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến đề tài nghiên cứu của luận án. Ngoài ra, NCS phải hoàn thành ít nhất 01 hội thảo khoa học và 01 hội thảo dự thảo luận án trước khi thành lập Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn. Sau mỗi hội thảo, những ý kiến giải trình của nghiên cứu sinh được gửi cho Viện KTTVBĐKH bằng văn bản (theo mẫu tại Phụ lục II.8.8a) và được trình bày tại hội thảo tiếp theo hoặc buổi bảo vệ luận án cấp cơ sở. NCS phải trình hồ sơ đề nghị hội thảo tiếp theo hoặc bảo vệ luận án cấp cơ sở chậm nhất 03 tháng kể từ ngày tổ chức hội thảo trước đó.

Điều 10. Thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn được đề xuất với Viện KTTVBĐKH về việc thay đổi đề tài luận án (muộn nhất trước khi trình hồ sơ đề nghị tổ chức hội thảo dự thảo luận án), bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, và chuyển cơ sở đào tạo. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy định này. Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi nghiên cứu sinh, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Quy định này, trong thời gian quy định tại các điểm a và b, khoản 4 Điều này (quy định về thay đổi, điều chỉnh tên đề tài luận án được chi tiết ở Phụ lục V.3).

2. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Quy định này;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c) Vi phạm quy định của Viện KTTVBĐKH ở mức độ buộc thôi học;

d) Quy trình thủ tục cho nghiên cứu sinh thôi học được chi tiết tại Phụ lục V.4.

3. Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

4. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

a) Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo sớm, đúng hạn nếu hoàn thành thủ tục trình luận án cho Viện KTTVBĐKH trong thời gian quy định tại điểm khoản 2 Điều 3 của Quy định này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, 03 tháng trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng và không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Trong thời gian này, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo.

Điều 11. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu 01 năm (12 tháng) kể từ ngày Quyết định buộc thôi học của Viện trưởng Viện KTTVBĐKH có hiệu lực thi hành, được xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) Nghiên cứu sinh bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;

b) Nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;

c) Nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của Viện KTTVBĐKH.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của bộ môn và hội đồng Khoa học công nghệ và đào tạo của Viện KTTVBĐKH. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là nghiên cứu sinh mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo

Nghiên cứu sinh có quyền và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua; định kỳ tháng 12 và tháng 6 hàng năm báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho đơn vị chuyên môn (Theo mẫu tại Phụ lục V.1); đề xuất với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn.

4. Tuân thủ quy định của Viện KTTVBĐKH về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).

5. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

6. Tham dự các buổi sinh hoạt khoa học, hội thảo khoa học, hội thảo dự thảo luận án của các NCS khác để trao đổi kiến thức, học tập kinh nghiệm.

7. Đóng học phí theo Quy định hiện hành của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

8. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Viện KTTVBĐKH.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của đơn vị chuyên môn

Đơn vị chuyên môn có quyền và trách nhiệm sau:

1. Đề xuất người hướng dẫn nghiên cứu sinh có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án.

2. Xem xét và trình Viện trưởng Viện KTTVBĐKH các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: Các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ; kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hằng năm của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại Bộ môn.

4. Phối hợp cùng Phòng KHĐTHTQT tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh, triển khai đánh giá luận án của nghiên cứu sinh tại đơn vị chuyên môn; thông qua đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của Viện KTTVBĐKH.

5. Đề nghị Viện trưởng Viện KTTVBĐKH quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh.

6. Có biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ hồ sơ của nghiên cứu sinh và nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Báo cáo Viện trưởng Viện KTTVBĐKH về tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo yêu cầu.

7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 14. Đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn (đánh giá luận án cấp cơ sở)

1. Việc đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn được tổ chức khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ những yêu cầu sau:

a) Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ;

b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được tập thể hoặc người hướng dẫn chính nghiên cứu sinh đồng ý đề xuất được đánh giá ở đơn vị chuyên môn;

c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có nội dung liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

d) Là tác giả của tối thiểu 01 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học Biển đổi khí hậu của Viện KTTVBĐKH;

đ) Yêu cầu tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ (có nội dung liên quan đến kết quả nghiên cứu của Luận án) đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế.

2. Việc đánh giá luận án cấp cơ sở là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; các thành viên của Bộ môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Việc đánh giá luận án cấp cơ sở, quy trình và phương thức đánh giá, số lượng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của những nhà khoa học được mời nhận xét luận án; đáp ứng các quy định sau:

a) Số lượng nhà khoa học được mời nhận xét luận án gồm 07 thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có sự tham gia của các nhà khoa học ở trong và ngoài Viện KTTVBĐKH. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Viện;

b) Luận án, tóm tắt luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án. Thời gian, địa điểm bảo vệ được công bố công khai trên bảng tin của Viện trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất 05 ngày;

c) Trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ buổi họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, NCS hoàn thiện hồ sơ nộp lại cơ sở đào tạo. Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Viện khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án) ;

d) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- +) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- +) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- +) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- +) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;

đ) Trình tự, quy trình và phương thức đánh giá luận án cấp cơ sở được quy định trong Phụ lục II.8.1 đến Phụ lục II.8.15.

Điều 15. Phản biện độc lập luận án

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của nghiên cứu sinh được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án của Viện KTTVBĐKH. Chậm nhất không quá 03 tháng tính từ thời điểm nghiên cứu sinh hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được đơn vị chuyên môn thông qua, Viện KTTVBĐKH hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho nghiên cứu sinh; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của Viện KTTVBĐKH, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của Quy định này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp nghiên cứu sinh về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn.

a) Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Viện trưởng Viện KTTVBĐKH lựa chọn chuyên gia kiểm tra lại các giải trình chỉnh sửa của NCS theo ý kiến của các Phản biện độc lập. Căn cứ kết quả kiểm tra, Viện trưởng Viện KTTVBĐKH ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện KTTVBĐKH cho nghiên cứu sinh;

b) Khi một trong hai phản biện độc lập không đồng ý, Viện trưởng Viện KTTVBĐKH gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba làm căn cứ quyết định. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án, Viện trưởng Viện KTTVBĐKH lựa chọn chuyên gia kiểm tra lại các giải trình chỉnh sửa của NCS theo ý kiến của các PBDL. Căn cứ kết quả kiểm tra, Viện trưởng Viện KTTVBĐKH ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện KTTVBĐKH cho nghiên cứu sinh;

c) Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, Viện KTTVBĐKH yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu nghiên cứu sinh cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của Viện KTTVBĐKH. Những ý kiến giải trình của nghiên cứu sinh được gửi cho Viện KTTVBĐKH và trình bày tại buổi bảo vệ luận án.

5. Trình tự, quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập; yêu cầu về trách nhiệm bảo mật đối với cán bộ, công chức, người phản biện và đối với thông tin, tài liệu liên quan đến phản biện độc lập được quy định tại Phụ lục II.9.1.

Điều 16. Đánh giá luận án cấp Viện

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện KTTVBĐKH:

a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

b) Đạt quy trình phản biện độc lập;

c) Tuân thủ quy định của Viện KTTVBĐKH về hình thức trình bày tại Phụ lục II.8.1, II.8.2, II.8.3, II.8.4, II.8.5, II.8.6, II.8.7, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Yêu cầu đối với nghiên cứu sinh trước khi đánh giá luận án cấp Viện: Trình viện các tài liệu theo quy định tại khoản 6 Điều này.

3. Viện trưởng Viện KTTVBĐKH ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án của Viện KTTVBĐKH bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng gồm 05 người, trong đó, số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài Viện KTTVBĐKH tối thiểu là 02 người;

b) Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 02 ủy viên phản biện và ủy viên khác, trong đó có 01 phản biện là người của Viện KTTVBĐKH và 01 phản biện là người

ngoài Viện KTTVBĐKH; phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Viện KTTVBĐKH; 01 người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;

c) Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 5 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy định này;

d) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng.

4. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của nghiên cứu sinh đạt quy trình phản biện độc lập, Viện KTTVBĐKH tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh do Viện KTTVBĐKH quyết định bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi đánh giá luận án, tóm tắt luận án được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện KTTVBĐKH (trừ trường hợp đánh giá luận án theo chế độ mật);

b) Không tổ chức buổi đánh giá luận án khi thành viên Hội đồng có mặt dưới 05 người;

c) Trường hợp Viện KTTVBĐKH tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng nghiên cứu sinh; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Viện KTTVBĐKH;

d) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do Viện KTTVBĐKH thực hiện; nghiên cứu sinh và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

5. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại Viện KTTVBĐKH.

6. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện (theo các phụ lục: Phụ lục II.8.1 đến II.8.8, II.8.13, II.8.14, II.8.16, II.10.9) gồm:

a) Toàn văn luận án;

b) Tóm tắt luận án;

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả qui định tại điểm d, khoản 1 Điều này (nếu có);

đ) Đơn xin bảo vệ luận án cấp Viện.

7. Đánh giá luận án cấp Viện KTTVBĐKH:

a) Luận án phải được đánh giá công khai trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 17 của Quy định này;

b) Thời gian địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh đã được công bố công khai, rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Viện KTTVBĐKH, trên bảng tin của Viện KTTVBĐKH trước ngày bảo vệ ít nhất 20 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ (trừ các luận án bảo vệ mật);

c) Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng và đã được trưng bày ở phòng đọc của thư viện Viện KTTVBĐKH ít nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ. Toàn văn luận án, tóm tắt và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Viện KTTVBĐKH trước ngày bảo vệ 20 ngày, trừ các luận án được phép đánh giá theo chế độ mật được quy định theo Điều 17 của Quy định này;

d) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản (theo mẫu chi tiết trong Phụ lục II.10.2) gửi đến cơ sở đào tạo Viện KTTVBĐKH 05 ngày trước ngày bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh;

đ) Hội đồng phải có quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua.

e) Biên bản buổi đánh giá luận án cấp Viện được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng;

g) Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày họp Hội đồng, nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo quyết nghị của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, có chữ ký xác nhận của các giáo viên hướng dẫn (hoặc đại diện tập thể hướng dẫn), Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các người phản biện luận án để lưu tại cơ sở đào tạo Viện KTTVBĐKH;

h) Trang phục của nghiên cứu sinh tham gia buổi họp Hội đồng:

- Nam mặc áo sơ mi trắng, quần sẫm màu, thắt cà vạt.

- Nữ mặc áo dài, váy hoặc bộ đồ công sở.

Điều 17. Đánh giá luận án theo chế độ mật

Việc đánh giá luận án theo chế độ mật được thực hiện theo Điều 17 của Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 18. Đánh giá lại luận án cấp Viện KTTVBĐKH

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án của Viện KTTVBĐKH thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, Viện KTTVBĐKH quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

3. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án của Viện KTTVBĐKH lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

4. Trong vòng 6 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án phải được trình Viện để đưa ra bảo vệ lần thứ hai. Trình tự, quy trình và phương thức đánh giá luận án lần thứ hai tương tự lần thứ nhất.

5. Khi bảo vệ lại, nghiên cứu sinh phải tự túc kinh phí.

Điều 19. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án của Viện KTTVBĐKH đồng ý thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp cho Viện KTTVBĐKH (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Viện KTTVBĐKH.

2. Viện KTTVBĐKH đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của Viện KTTVBĐKH (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Viện KTTVBĐKH tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Viện KTTVBĐKH lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

- a) Biên bản của buổi đánh giá luận án tại Viện KTTVBĐKH;
- b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án của Viện KTTVBĐKH;
- c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;
- d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);

5. Viện KTTVBĐKH thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương V

KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 20. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong những trường hợp sau:

- a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ và những quy định có liên quan;
- b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định:

- a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận nghiên cứu sinh; hồ sơ buổi đánh giá luận án tại Viện KTTVBĐKH; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;
- b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ; tóm tắt luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

- a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của Viện KTTVBĐKH;

b) Viện KTTVBĐKH gửi 01 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 03 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả với Viện KTTVBĐKH trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 21. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Viện KTTVBĐKH cung cấp đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu của Viện KTTVBĐKH được áp dụng cho nghiên cứu sinh theo quy định;

b) Chất lượng luận án được tối thiểu 02 trong 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, với chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Viện KTTVBĐKH cung cấp không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy chế của Viện KTTVBĐKH được áp dụng cho nghiên cứu sinh;

b) Chất lượng luận án không được 02 trong 03 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, Viện KTTVBĐKH có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án; ủy quyền Viện KTTVBĐKH tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hội đồng thẩm định có 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng;

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án của Viện KTTVBĐKH quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này;

d) Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

đ) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, Viện KTTVBĐKH tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, Viện KTTVBĐKH xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, Viện KTTVBĐKH cho phép nghiên cứu sinh bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Nếu nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận nghiên cứu sinh và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Viện KTTVBĐKH; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Quy định này; luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, Viện KTTVBĐKH có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của Viện KTTVBĐKH

1. Viện KTTVBĐKH có trách nhiệm:

a) Thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

b) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

c) Tăng cường liên chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ được đánh giá tại Viện KTTVBĐKH;

d) Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

đ) Có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra hằng năm việc thực hiện quy chế của cơ sở đào tạo về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ;

e) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho nghiên cứu sinh trước khi bắt đầu khóa học quy chế của cơ sở đào tạo và những quy định liên quan khác đến quá trình học tập, nghiên cứu; quy định về quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh;

g) Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế của cơ sở đào tạo và các nhiệm vụ khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng ở trình độ tiến sĩ; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

2. Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của Viện KTTVBĐKH.

3. Tổ chức thực hiện tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành:

a) Thành lập Hội đồng tuyển sinh;

b) Ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu, ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh; quyết định xử lý thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh;

c) Tạo điều kiện để nghiên cứu sinh được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế;

d) Tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định chi tiết đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện KTTVBĐKH. Đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ việc bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh;

đ) Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh; quản lý việc thi các học phần, bảng điểm học tập, cấp giấy chứng nhận cho nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án; cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành;

e) Định kỳ hai năm một lần bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ thông qua Hội đồng Khoa học Công nghệ và Đào tạo của Viện KTTVBĐKH;

g) Quy định cụ thể việc tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần của nghiên cứu sinh (quy định chi tiết trong Phụ lục II.1 đến Phụ lục II.7);

h) Ra Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng bộ môn, Thư ký bộ môn.

4. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học ở quy mô quốc gia và quốc tế, xuất bản các tạp chí nghiên cứu khoa học có phản biện của Viện KTTVBĐKH.

5. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ và lưu trữ hồ sơ.

6. Viện KTTVBĐKH thực hiện giải trình theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Viện KTTVBĐKH có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: Thông tin tuyển sinh; thông tin của nghiên cứu sinh; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp văn bằng của nghiên cứu sinh theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT - BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, Viện KTTVBĐKH báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án của Viện KTTVBĐKH trong 02

tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục VI.2); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (theo mẫu tại Phụ lục VI.6) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Cơ sở đào tạo phải công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy chế của cơ sở đào tạo và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc tổ chức đào tạo đối với những khóa đã tuyển sinh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo Quy định chi tiết đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 357/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 22/11/2019 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

2. Đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2017, quy định về nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động sinh hoạt khoa học thực hiện theo khoản 7 Điều 9 của Quy định này; điều kiện nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở cấp cơ sở thực hiện theo điểm d khoản 1 Điều 14 của Quy định này; điều kiện thời hạn tối đa chỉnh sửa Luận án theo Quyết nghị Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện thực hiện theo điểm g khoản 7 Điều 16 của Quy định này.



Nguyễn Văn Thắng